

UBND HUYỆN AN LÃO  
TRƯỜNG THCS LƯƠNG KHÁNH THIỆN

DANH SÁCH HỌC SINH

Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019  
của Hội đồng nhân dân thành phố - Học kỳ 1 năm học 2024-2025

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đặng Thùy An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
2	Nguyễn Quốc An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
3	Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
4	Nguyễn Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
5	Nguyễn Ngọc Diệu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
6	Nguyễn Quốc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
7	Nguyễn Thị Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
8	Tạ Thị Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	124,000	124,000
9	Bùi Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
10	Lê Đức Bằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
11	Nguyễn Bảo Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
12	Nguyễn Hải Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
13	Bùi Trịnh Minh Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
14	Nguyễn Anh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
15	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
16	Phạm Quốc Đại	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
17	Bùi Đình Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
18	Nguyễn Trung Điền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
19	Nguyễn Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
20	Nguyễn Thanh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
21	Trần Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
22	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
23	Bùi Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
24	Trần Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
25	Đỗ Huy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
26	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
27	Vũ Bảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
28	Phùng Kim Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
29	Trần Ngọc Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
30	Đoàn Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
31	Nguyễn Hải Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
32	Nguyễn Thế Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

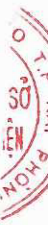


TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
33	Đỗ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
34	Nguyễn Lâm Phi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
35	Bùi Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
36	Bùi Hoàng Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
37	Ninh Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
38	Đào Vũ Bảo Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
39	Phạm Hoàng Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
40	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
41	Cao Phương Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
42	Trịnh Công Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
43	Nguyễn Thu Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
44	Hà Minh Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
45	Đặng Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
46	Vũ Thị Minh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
47	Vũ Hải Bình	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
48	Phạm Trung An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
49	Bùi Đình Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
50	Bùi Lê Nguyên Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
51	Nguyễn Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
52	Phạm Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
53	Tạ Mai Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
54	Võ Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
55	Phan Đình Long Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
56	Bùi Hoàng Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
57	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
58	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
59	Đỗ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
60	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
61	Bùi Quang Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
62	Hà Thị Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
63	Đào Xuân Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
64	Phạm Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
65	Bùi Quốc Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
66	Hoàng Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
67	Vũ Đức Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
68	Lê Minh Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
69	Đào Hoàng Lan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
70	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

H.A  
RUC  
JNG H  
JONG K  
An

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
71	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
72	Nguyễn Đức Cao Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
73	Trần Lê Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
74	Lê Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
75	Đình Vũ Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
76	Nguyễn Linh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
77	Đoàn Thị Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
78	Vũ Lâm Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
79	Mai Thanh Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
80	Trần Phạm Hùng Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
81	Nguyễn Anh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
82	Vũ Khánh Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
83	Trần Thanh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
84	Đỗ Phương Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
85	Vũ Hoàng Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
86	Bùi Chí Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
87	Vũ Thanh Thùy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
88	Nguyễn Vũ Bảo Thy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
89	Phạm Bảo Trâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
90	Nguyễn Vũ Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
91	Bùi Mạnh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
92	Nguyễn Phương Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
93	Vũ Thanh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
94	Bùi Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
95	Trần Châu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
96	Nguyễn Ngọc Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
97	Đỗ Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
98	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
99	Nguyễn Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
100	Hồ Phúc Diên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
101	Đỗ Tiến Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
102	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
103	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
104	Vũ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
105	Nguyễn Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
106	Nguyễn Trần Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
107	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
108	Dương Thị Khánh Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
109	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
110	Nguyễn Nam Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
111	Dương Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
112	Nguyễn Hoàng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
113	Nguyễn Diệu Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
114	Nguyễn Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
115	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
116	Ngô Đào Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
117	Nguyễn Thiên Kim Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
118	Vũ Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
119	Nguyễn Trúc Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
120	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
121	Dương Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
122	Phạm Thu Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
123	Lưu Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
124	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
125	Bùi Gia Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
126	Nguyễn Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
127	Nguyễn Khánh Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
128	Phạm Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
129	Nguyễn Đức Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
130	Hoàng Thị Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
131	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
132	Nguyễn Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
133	Lại Thị Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
134	Phạm Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
135	Lê Thái Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
136	Nguyễn Minh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
137	Nguyễn Đức Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
138	Nguyễn Phương Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
139	Lê Huy Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
140	Nguyễn Minh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
141	Hà Vũ Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
142	Tăng Bảo An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
143	Tăng Nguyễn Bình An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
144	Đỗ Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
145	Nguyễn Quang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
146	Nguyễn Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
147	Lê Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
148	Nguyễn Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
149	Nguyễn Ngọc Bích	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
150	Nguyễn Quốc Chí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
151	Đỗ Thị Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
152	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
153	Vũ Long Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
154	Trịnh Gia Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
155	Trịnh Gia Bảo Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
156	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
157	Lê Thị Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
158	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
159	Nguyễn Thị Hằng Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
160	Dương Chí Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
161	Vũ Thị Huyền Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
162	Vũ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
163	Phạm Trường Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
164	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
165	Nguyễn Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
166	Trịnh Đặng Diễm Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
167	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
168	Trần Xuân Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
169	Nguyễn Kim Thoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
170	Đào Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
171	Nguyễn Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
172	Đỗ Nguyễn Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
173	Thân Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
174	Nguyễn Thủy Triều	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
175	Trần Lương Bảo Triệu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
176	Nguyễn Phú Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
177	Lý Ngọc Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
178	Văn Đức Minh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
179	Ninh Thị Ánh Tuyết	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
180	Trần Hà Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
181	Trịnh Long Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
182	Dương Hà Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
183	Hoàng Tiến Công	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
184	Nguyễn Đức Bá Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
185	Vũ Hoàng Bảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
186	Nguyễn Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
187	Nguyễn Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
188	Nguyễn Tuấn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
189	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
190	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
191	Quách Đỗ Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
192	Trần Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
193	Trần Nguyễn Quỳnh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
194	Trần Ngọc Diễm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
195	Phan Bảo Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
196	Nguyễn Nam Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
197	Đào Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
198	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
199	Nguyễn Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
200	Phạm Thị Ngân Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
201	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
202	Nguyễn Vũ Phương Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
203	Đỗ Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
204	Lương Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
205	Đỗ Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
206	Lê Nguyễn Thanh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
207	Trịnh Thanh Hoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
208	Trần Tiến Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
209	Lê Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
210	Nguyễn Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
211	Nguyễn Thị Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
212	Nguyễn Sỹ Hưng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
213	Nguyễn Sỹ Minh Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
214	Lương Thị Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
215	Nguyễn Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
216	Đào Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
217	Nguyễn Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
218	Vũ Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
219	Phạm Bảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
220	Nguyễn Hải Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
221	Nguyễn Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
222	Nguyễn Hoàng Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
223	Lương Ngọc Quý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
224	Nguyễn Thành Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
225	Phạm Tuấn Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
226	Nguyễn Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
227	Lê Thanh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
228	Cao Việt Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
229	Trần Quân Tuyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
230	Nguyễn Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
231	Nguyễn Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
232	Bùi Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
233	Nguyễn Trần Thành Công	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
234	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
235	Hoàng Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
236	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
237	Nguyễn Thủy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
238	Nguyễn Tuấn Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
239	Bùi Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
240	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
241	Bùi Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
242	Bùi Quang Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
243	Dương Mộc Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
244	Hà Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
245	Phạm Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
246	Trịnh Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
247	Nguyễn Văn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
248	Đỗ Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
249	Phạm Minh Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
250	Vũ Duy Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
251	Nguyễn Hoàng Hải Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
252	Trần Gia Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
253	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
254	Hoàng Văn Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
255	Vũ Phạm Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
256	Dương Vũ Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
257	Hà Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
258	La Lương Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
259	Phạm Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

N. H. A.  
TRƯ  
RUNG H  
ƯƠNG KH  
3.0

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
260	Nguyễn Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
261	Nguyễn Ngọc Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
262	Phạm Thị Kim Oanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
263	Nguyễn Khánh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
264	Tăng Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
265	Nguyễn Đức Minh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
266	Trần Yến Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
267	Nguyễn Hữu Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
268	Vũ Ngọc Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
269	Phạm Thị Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
270	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
271	Lê Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
272	Hoàng Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
273	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
274	Phạm Thị Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
275	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
276	Phan Thị Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
277	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
278	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
279	Tạ Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
280	Vũ Đức Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
281	Trần Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
282	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
283	Đặng An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
284	Vũ Trọng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
285	Nguyễn Việt Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
286	Ngô Doãn Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
287	Lê Lê	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
288	Hoàng Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
289	Nguyễn Hà Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
290	Bùi Phương Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
291	Ngô Hiền Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
292	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
293	Nguyễn Hoàng Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
294	Lâm Thu Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
295	Đoàn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
296	Bùi Quang Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
297	Đỗ Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
298	Trịnh Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
299	Tăng Văn Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
300	Nguyễn Tuấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
301	Nguyễn Việt Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
302	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
303	Phạm Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
304	Vũ Trần Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
305	Lê Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
306	Văn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
307	Nguyễn Hoàng Gia Thiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
308	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
309	Trần Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
310	Văn Đức Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
311	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
312	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
313	Nguyễn Thế Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
314	Nguyễn Gia Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
315	Dương Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
316	Lê Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
317	Lê Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
318	Lê Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
319	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
320	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
321	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
322	Nguyễn Thị Hồng Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
323	Nguyễn Đăng Bách	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
324	Nguyễn Hoàng Kim Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
325	Nguyễn Linh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
326	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
327	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
328	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
329	Nguyễn Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
330	Lương Trung Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
331	Lê Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
332	Lê Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
333	Phạm Lê Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
334	Vũ Nam Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
335	Nguyễn Tuấn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
336	Nguyễn Đắc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
337	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
338	Bùi Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
339	Dương Bảo Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
340	Lại Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
341	Lê Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
342	Phạm Nguyệt Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
343	Vũ Tiến Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
344	Đỗ Như Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
345	Phạm Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
346	Quách Tuấn Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
347	Vũ Trung Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
348	Nguyễn Thiện Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
349	Đặng Nhật Thái Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
350	Bùi Sỹ Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
351	Dương Nguyệt Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
352	Nguyễn Thị Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
353	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
354	Nguyễn Hà Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
355	Vũ Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
356	Nguyễn Hải Tuyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
357	Bùi Diệu Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
358	Dương Tuệ Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
359	Đỗ Hoàng Bảo Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
360	Đoàn Thái Thiên An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
361	Nguyễn Thái An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
362	Đỗ Quang Thiện Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
363	Nguyễn Ngọc Trang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
364	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
365	Dương Bảo Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
366	Dương Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
367	Nguyễn Trần Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
368	Bùi Đặng Hà Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
369	Ngô Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
370	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
371	Phạm Quốc Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
372	Ngô Trí Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
373	Cao Quý Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

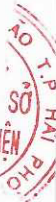
TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
374	Đào Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
375	Đặng Khánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
376	Đỗ Tất Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
377	Lương Thị Bảo Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
378	Nguyễn Bách Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
379	Lê Nguyễn Thành Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
380	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
381	Đỗ Thị Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
382	Hoàng Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
383	Lương Tuấn Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
384	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
385	Lương Chấn Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
386	Nguyễn Khôi Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
387	Lê Hồng Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
388	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
389	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
390	Nguyễn Diệp Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
391	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
392	Phạm Danh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
393	Nguyễn Minh Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
394	Lương Bích Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
395	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
396	Nguyễn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
397	Nguyễn Đức Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
398	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	124,000	124,000
399	Nguyễn Quang Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
400	Nguyễn Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
401	Ngô Trọng Công Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
402	Hoàng Minh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
403	Dương Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
404	Ngô Tú Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
405	Nguyễn Ngọc Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
406	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
407	Phùng Gia Bảo Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
408	Phạm Thiện Căn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
409	Vũ Hoàng Thùy Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
410	Lương Thanh Chúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
411	Phạm Mạnh Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

N H  
TR  
RUNG  
LƯƠNG  
40

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
412	Phan Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
413	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
414	Đỗ Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
415	Đỗ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
416	Lương Ngọc Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
417	Nguyễn Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
418	Hoàng Thị Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
419	Dương Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
420	Đỗ Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
421	Trần Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
422	Nguyễn Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
423	Tăng Minh Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
424	Vũ Thu Hường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
425	Vũ Thế Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
426	Đỗ Gia Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
427	Lê Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
428	Ngô Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
429	Đồng Xuân Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
430	Nguyễn Anh Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
431	Nguyễn Hà Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
432	Nguyễn Thu Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
433	Phan Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
434	Nhân Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
435	Nguyễn Thị Lan Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
436	Nguyễn Tiến Phát	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
437	Phạm Minh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
438	Trần Vũ Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
439	Lê Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
440	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
441	Phan Huyền Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
442	Trần Lê Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0
443	Trịnh Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
444	Nguyễn Xuân Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
445	Đỗ Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
446	Trịnh Xuân Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
447	Nguyễn Tú Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
448	Nguyễn Khánh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
449	Lê Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	248,000	0

AN L  
 IONG  
 HỌC CO  
 HANH TH  
 \* O

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
450	Lại Thị Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
451	Tần Lê Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
452	Ngô Thị Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
453	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
454	Phạm Thị Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
455	Trịnh Huy Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
456	Nguyễn Hữu Bình	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
457	Phạm Tiến Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
458	Hà Mạnh Huy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
459	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
460	Vũ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
461	Nguyễn Thùy Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
462	Phạm An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
463	Nguyễn Hoàng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
464	Nguyễn Lê Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
465	Vũ Huyền Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
466	Nguyễn Thúy Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
467	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
468	Ninh Quốc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
469	Đỗ Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
470	Phùng Lê Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
471	Lương Thị Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
472	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
473	Nguyễn Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
474	Nguyễn Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
475	Phạm Hoàng Lộc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
476	Nguyễn Đức Mạnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
477	Trịnh Hòa Mí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
478	Đình Quang Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
479	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
480	Phạm Như Bảo Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
481	Đình Thị Hồng Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
482	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
483	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
484	Phạm Lưu Bảo Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
485	Đình Thị Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
486	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
487	Lương Thanh Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
488	Lê Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
489	Lâm Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
490	Nguyễn Tuấn Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
491	Phạm Mạnh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
492	Phùng Đỗ Cát Tường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
493	Nguyễn Ngọc Tường Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
494	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
495	Ngô Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
496	Hoàng Thị Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
497	Phạm Huệ Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
498	Phạm Vũ Bằng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
499	Lê Thị Hải An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
500	Nguyễn Vũ Khánh An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
501	Lại Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
502	Lê Tùng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
503	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
504	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
505	Nguyễn Minh Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
506	Đào Vũ Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
507	Phạm Đức Minh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
508	Phan Hải Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
509	Nguyễn Hoàng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
510	Phan Đăng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
511	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
512	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
513	Tăng Tân Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
514	Phạm Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
515	Nguyễn Bích Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
516	Trịnh Thu Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
517	Đỗ Xuân Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
518	Vũ Đức Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
519	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
520	Bùi Trọng Lân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
521	Nguyễn Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
522	Phạm Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
523	Vũ Ngọc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
524	Vũ Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
525	Hoàng Ngọc Luân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
526	Nguyễn Hiền Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
527	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
528	Trần Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
529	Nguyễn Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
530	Phùng Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
531	Đỗ Long Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
532	Nguyễn Thanh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
533	Trần Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
534	Hoàng Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
535	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
536	Phạm Văn Quyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
537	Vũ Tấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
538	Đào Xuân Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
539	Hoàng Hải Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
540	Nguyễn Trường Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
541	Bùi Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
542	Nguyễn Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
543	Nguyễn Hà Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
544	Phan Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
545	Nguyễn Thế Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
546	Phạm Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
547	Nguyễn Hoàng Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
548	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
549	Nguyễn Vân Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
550	Phạm Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
551	Vũ Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
552	Đoàn Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
553	Nguyễn Hiểu Du	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
554	Nguyễn Bá Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
555	Nguyễn Đăng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
556	Vũ Khánh Đan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
557	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
558	Phạm Quý Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
559	Hoàng Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
560	Lương Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
561	Vũ An Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
562	Vũ Thị Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
563	Mai Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
564	Trịnh Long Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
565	Vũ Nguyễn Gia Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
566	Bùi Ngọc Đăng Khôi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
567	Nguyễn Gia Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
568	Nguyễn Thị Mỹ Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
569	Triệu Thảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
570	Vũ Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
571	Đào Thị Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
572	Nguyễn Hoàng Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
573	Phạm Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
574	Vũ Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
575	Nguyễn Phương Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
576	Lê Thị Thanh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	124,000	124,000
577	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
578	Trịnh Bích Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
579	Phạm Khôi Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
580	Hoàng Minh Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
581	Phạm Đức Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
582	Nguyễn Tuệ Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
583	Lê Văn Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
584	Hoàng Ngọc Quyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
585	Bùi Thị Hải Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
586	Bùi Ngọc Thanh Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
587	Nguyễn Trọng Tấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
588	Trần Trí Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
589	Nguyễn Quyết Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
590	Ngô Thị Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
591	Nguyễn Đoàn Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
592	Lê Thị Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
593	Nguyễn Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
594	Đặng Duy Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
595	Nguyễn Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
596	Đỗ Văn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
597	Nguyễn Kim Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
598	Vũ Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
599	Trần Việt Cường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
600	Lương Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
601	Ngô Trung Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

ÔNG  
HOC  
KHÁNH

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
602	Nguyễn Đức Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
603	Vũ Tùng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
604	Nguyễn Minh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
605	Phạm Trung Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
606	Nguyễn Đức Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
607	Nguyễn Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
608	Phạm Gia Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
609	Trần Vũ Bảo Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
610	Giang Thị Minh Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
611	Nguyễn Hoàng Hiệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
612	Lê Đức Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
613	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
614	Vũ Ngọc Minh Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
615	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
616	Bùi Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
617	Lê Song Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
618	Phạm Hoàng Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
619	Lưu Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
620	Nguyễn Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
621	Phạm Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
622	Phạm Ngọc Thảo My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
623	Nguyễn Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
624	Phạm Lê Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
625	Nguyễn Thị Khánh Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
626	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
627	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
628	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
629	Nguyễn Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
630	Nguyễn Đăng Gia Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	124,000	124,000
631	Nguyễn Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
632	Phạm Việt Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
633	Phan Việt Đăng Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
634	Trịnh Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
635	Nguyễn Hoàng Thảo Quyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
636	Nguyễn Thanh Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
637	Lê Việt Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
638	Bùi Minh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
639	Hoàng Đức Trung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

030  
THIÊN  
ĐH

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
640	Nguyễn Văn Trung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
641	Phạm Nguyễn Cẩm Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
642	Nguyễn Như Ý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
643	Hà Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
644	Phan Ngọc Cát An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
645	Đỗ Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
646	Nguyễn Diệu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
647	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
648	Nguyễn Thị Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
649	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
650	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
651	Phạm Thị Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
652	Nguyễn Quang Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
653	Nguyễn Mỹ Duyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
654	Trịnh Phú Đại	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
655	Lê Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
656	Nguyễn Lê Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
657	Nguyễn Minh Điền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
658	Bùi Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
659	Phạm Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
660	Phùng Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
661	Nguyễn Tuấn Hậu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
662	Vũ Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
663	Ôn Duy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000	124,000	124,000
664	Nguyễn Đình Lâm Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
665	Nguyễn Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
666	Đình Nam Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
667	Nguyễn Mai Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
668	Nguyễn Minh Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
669	Đình Đoàn Văn Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
670	Đỗ Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
671	Phạm Tuấn Kiệt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
672	Nguyễn Phạm Trúc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
673	Phạm Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
674	Nguyễn Hoàng Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
675	Vũ Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
676	Bùi Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
677	Vũ Đình Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
678	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
679	Phạm Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
680	Trịnh Minh Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
681	Phạm Dương Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
682	Phạm Hoàng Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
683	Nguyễn Nam Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
684	Ngô Nam Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
685	Đỗ Việt Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
686	Đỗ Trí Thiện	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
687	Nguyễn Phú Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
688	Nguyễn Đức Thuận	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
689	Phạm Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
690	Trần Ngọc Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
691	Bùi Huy Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
692	Nguyễn Khôi Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
693	Nguyễn Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
694	Lê Hoàng Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
695	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
696	Nguyễn Trung Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
697	Bùi Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
698	Lê Minh Chí Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
699	Nghiêm Quốc Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
700	Trịnh Thu Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
701	Trần Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
702	Lê Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
703	Nguyễn Mỹ Duyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
704	Phạm Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
705	Nguyễn Hồng Minh Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
706	Hoàng Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
707	Phạm Chí Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
708	Hoàng Khánh Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
709	Đỗ Thùy Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
710	Quách Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
711	Đào Thu Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
712	Lê Đức Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
713	Nguyễn Đức Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
714	Trần Tuấn Kiệt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
715	Nguyễn Hùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000

AN  
 CÔNG  
 HỌC C  
 KHÁNH T

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
716	Ngô Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
717	Trần Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
718	Nguyễn Phúc Tuệ Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
719	Đỗ Hoàng Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
720	Phạm Thành Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
721	Lê Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
722	Nguyễn Thanh Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
723	Lương Bích Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
724	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
725	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
726	Đoàn Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
727	Nguyễn Huỳnh Thiên Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
728	Trịnh Thị Hồng Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
729	Phạm Thị Kiều Oanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
730	Nguyễn Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
731	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
732	Nguyễn Tuấn Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
733	Phùng Anh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
734	Lương Thị Hải Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
735	Nguyễn Hoàng Xuân Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
736	Phú Quyết Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
737	Nguyễn Hà Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
738	Phan Thị Hà Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
739	Nguyễn Bảo Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
740	Mai Dương Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
741	Trịnh Linh Cát Tường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	4	248,000		248,000
<b>Tổng</b>					<b>183,768,000</b>	<b>2,604,000</b>	<b>181,164,000</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

An Lão, ngày 18 tháng 9 năm 2024



Phạm Thị Bình

